

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham phiên tòa: Bà Tôn Thị T Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST- HNGĐ ngày 01/6/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 1986;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984;

Đều có HKTT: Đội 6, xã TV, thành phố VT, tỉnh P.

Chị L hiện đang lao động tại ĐL .

(Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959;

2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1960.

Đều có HKTT: Khu Thành Công, phường M Nông, thành phố VT, tỉnh P.

(Ông C, bà T xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành M trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 07/11/ 2011 tại UBND xã TV, thành phố VT , tỉnh P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh làm ăn, sinh sống tại xã TV. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì chị L đi xuất khẩu lao động tại ĐL. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, do vợ chồng ở xa nhau nên không bàn bạc thống nhất được với nhau. Thời gian đầu vợ chồng anh thường xuyên liên lạc với nhau nhưng khi mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng anh không liên

lạc với nhau nữa. Vợ chồng anh sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn.

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/12/2012. Hiện tại cháu N đang sinh sống và ăn học cùng bố mẹ đẻ của chị L là ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T. Khi ly hôn anh nhất trí để cháu N tiếp tục ở cùng ông C, bà T để thuận lợi cho việc sinh hoạt và học tập của cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh Nguyễn Thành M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh M trình bày hiện nay anh không biết địa chỉ của chị L tại ĐL nên anh không thể cung cấp địa chỉ của chị L tại ĐL cho Tòa án được. Anh M yêu cầu Tòa án xác M địa chỉ của chị L tại ĐL thông qua bố mẹ đẻ của chị L là ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T có địa chỉ: khu Thành Công, phường M Nông, thành phố VT, tỉnh P.

Ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T trình bày: Hiện tại chị L đang đi xuất khẩu lao động tại ĐL. Gia đình ông, bà đã thông báo cho chị L biết về việc anh M xin ly hôn với chị, qua trao đổi chị L nhất trí ly hôn với anh M do vợ chồng xa nhau đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, không còn tình cảm với nhau nữa. Chị L thường xuyên liên lạc về gia đình nhưng chỉ hỏi thăm sức khỏe của gia đình và con. Chị L không cung cấp địa chỉ của chị tại ĐL nên gia đình ông bà không cung cấp được địa chỉ của chị L cho Tòa án. Chị L và anh M có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay cháu N đang sinh sống và học tập cùng gia đình ông bà. Chị L nhất trí tạm giao hai cháu N cho gia đình ông bà chăm sóc nuôi dưỡng để thuận tiện cho việc sinh sống và ăn học cho đến khi chị trở về VN thì chị sẽ trực tiếp nuôi cháu N. Chị L không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh P đề nghị Tòa án cho anh Nguyễn Thành M được ly hôn với chị Nguyễn Thị L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/12/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên. Tạm giao cháu N cho ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị L ở nước ngoài.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành M nộp đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị L tại Tòa án nhân dân tỉnh P. Trong đơn xin ly hôn, anh M trình bày hiện chị L đang sống và làm việc tại ĐL. Tại văn bản của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận chị Nguyễn Thị L đã xuất cảnh lần gần đây nhất ngày 04/7/2018 và chưa nhập cảnh trở lại VN. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật

tổ tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh P thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành M và chị Nguyễn Thị L là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị Nguyễn Thị L hiện đang ở ĐL, anh M chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở VN của chị Nguyễn Thị L, không cung cấp được địa chỉ của chị L ở nước ngoài cho Tòa án. Ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị L xác nhận chị L hiện đang làm ăn tại ĐL, chị L vẫn thường xuyên gọi điện cho gia đình ông bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của chị L tại ĐL nên ông bà không cung cấp được địa chỉ của chị L ở ĐL cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh M và chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Thành M xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay cháu N đang ở cùng bố mẹ đẻ chị L là ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T tại khu Thành Công, phường M Nông, thành phố VT, tỉnh P. Anh M, chị L đều nhất trí tạm giao cháu N cho ông bà ngoại là ông C, bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông C, bà T cũng đề nghị Tòa án tạm giao cháu N cho ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị L về nước. Nguyên vọng của anh M, chị L, ông C, bà T hoàn toàn phù hợp với nguyên vọng của cháu N mong muốn được ở cùng với mẹ và ông bà ngoại. Hiện nay chị L đang ở ĐL, không có điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc cháu N. Cháu N đang ở cùng ông bà ngoại do ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và thuận lợi cho việc học tập. Xét thấy nguyên vọng của các bên là phù hợp, thống nhất và để đảm bảo cho cháu N có điều kiện phát triển tốt nhất Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tạm giao cháu N cho ông C, bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị L lao động ở nước ngoài. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung, công nợ và công sức: Anh Nguyễn Thành M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Thành M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thành M được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/12/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm giao cháu N cho ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị T chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị L ở nước ngoài. Anh Nguyễn Thành M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Nguyễn Thị L. Anh Nguyễn Thành M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0004446 ngày 01/6/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại VN có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án đ- ọc tổng đạt hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng ngày kể từ ngày bản án đ- ọc tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+AV:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Trường Sơn

